TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Hoan và bà Nguyễn Thị Tuyết Minh
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T; sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố K, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn*: Anh Dương Công H; sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang trú tại: P., L., 385 K, B-cho, Miki C, Hyogo P, J (Nhật Bản); vắng mặt.

Thân nhân của anh Dương Công H: Chị Dương Thị D (chị gái của anh H); địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Công H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại UBND xã Y (nay là UBND thị trấn H), huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn 2 vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 06 năm 2018 thì giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh các mâu thuẫn do tính cách không thể hòa hợp với nhau. Hai bên thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau. Quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Đời sống chung của vợ chồng lâm vào trầm trọng. Tháng 9 năm 2023 anh H đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, do khoảng cách vị trí địa lý xa xôi, tình cảm vợ chồng không có. Hiện tại mỗi người mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để sớm tập trung vào làm ăn, ổn

định cuộc sống. Chị đã thông báo qua mạng xã hội cho anh Dương Công H biết việc này.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Dương Công T1, sinh ngày 13/6/2018; hiện nay con đang ở với chị. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Dương Công H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Dương Công H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Dương Công H, tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh Dương Công H, tại phiên tòa anh H không có mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 21/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có công văn số 2001/CV-TA về việc yêu cầu phòng Q – Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Dương Công H. Ngày 06/6/2024, phòng Q – Công an tỉnh Q có Công văn số 1559/CV-QLXNC cung cấp thông tin anh Dương Công H đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 25/9/2023 qua sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Ngày 29/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ, lấy lời khai của thân nhân anh Dương Công H. Ngày 10/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã gặp chị Dương Thị D là chị gái của anh H và tiến hành xác minh nơi cư trú của anh H, cũng như các nội dung liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị T. Chị D cho biết chị Bùi Thị T và anh Dương Công H đăng ký kết hôn vào năm 2018. Sau khi kết hôn, tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị T, anh H vẫn bình thường; mâu thuẫn của vợ chồng thì chị không nắm rõ. Anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2023, gia đình không rõ địa chỉ cụ thể. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 01 con chung là Dương Công T1, sinh năm 2018, hiện cháu đang sống cùng với chị T. Việc chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con thì gia đình không có ý kiến gì. Về tài sản, nợ chung của vợ chồng chị T, anh H thì chị không rõ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Dương Công H; Về con chung đề nghị xử giao cháu Dương Công T1, sinh ngày 13/6/2018 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung chị T trình bày không có nên không xem xét; Đương sự phải chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, thân nhân của bị đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo trình bày của đương sự và xác nhận tại Công văn số 1559/CV-QLXNC, ngày 06/6/2024 của phòng Q – Công an tỉnh Q thì anh Dương Công H đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 25/9/2023 qua sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị D là chị gái của anh Dương Công H; đồng thời tiến hành lập biên bản về việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Dương Công H tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình và tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng đã tiến hành ủy thác tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tống đạt đến cơ quan Đ tại Nhật Bản để tống đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Dương Công Hiệp đồng T2 tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T, Thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả.

Sau đó Tòa án đã thông báo cho anh Dương Công H biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị T và anh H trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (12, 13, 14/6/2024) nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh H. Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Công H, chị Bùi Thị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Dương Công H, chị Bùi Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn 22 tháng 3 năm 2018 tại UBND xã Y (nay là UBND thị trấn H), huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 06 năm 2018 thì giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh các mâu thuẫn do tính cách không thể hòa hợp với nhau. Do hai bên thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau, quan điểm sống không phù hợp. Tháng 9 năm 2023 anh H đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản nhưng do khoảng cách vị trí địa lý xa xôi khiến tình cảm vợ chồng không còn. Hia bên không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Dương Công H.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị T, anh H có một con chung tên là Dương Công T1, sinh ngày 13/6/2018 hiện đang ở với chị T. Trong quá trình giải

quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy trong quá trình anh H lao động và sinh sống tại Nhật Bản, cháu T1 đều do một mình chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo đảm tốt mọi mặt về học tập, giáo dục, cuộc sống của con. Do đó, giao cháu Dương Công T1 cho chị Bùi Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, vì chị có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật, cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung:* Không có, chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài:*

Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài và đăng thông tin trên VOV5: Chị T phải chịu 2.925.000 đồng (chị T đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Dương Công H.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Dương Công T1, sinh ngày 13/6/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Dương Công H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không có ai yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí:* Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0004756 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài và đăng VOV5 chị T đã nộp đủ 2.925.000 đồng tại Tòa án.

5. Án xử sơ thẩm công khai, chị Bùi Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, anh Dương Công H vắng

mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2024).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB(P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND TT Hàng Trạm, H yên Thủy, Hòa Bình;
- Lưu Toà DS, HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thái Sơn